

TÍCH HỢP KIẾN THỨC VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ THẾ GIỚI LỚP 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. LÊ THỊ HUYỀN*

Abstract: This article refers to process of integrating knowledge on sovereignty of sea and islands to teach and examine world history for 12th graders with aim at providing them with basic knowledge about sovereignty of sea and islands, connecting Vietnam's history with the world history. Thence, students can approach, know and understand about the importance and the role of sea and islands to the development of Vietnam's history, in the same direction with "Doi moi", integration, building and defence of our country at present.

Keywords: Integrating knowledge, maritime sovereignty, teaching history.

Tranh chấp chủ quyền ở khu vực biển Đông hiện nay là một trong những vấn đề nổi cộm được dư luận thế giới quan tâm. Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài, thêm lục địa rộng và biển đảo là một bộ phận cấu thành lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Lấn biển để dựng nước và thông qua biển để giữ nước luôn đồng hành với tiến trình lịch sử (LS) dân tộc, đó cũng là nét đặc trưng độc đáo của truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tự hào và trân trọng di sản quá khứ, chúng ta càng phải khai thác, khơi dậy nguồn sức mạnh của dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ, giữ vững độc lập chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển, bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó" (1; tr 34). Bài viết này đề cập kết quả nghiên cứu, tích hợp kiến thức (THKT) về chủ quyền biển đảo trong dạy học phần LS thế giới (**LS12**), qua đó góp phần trang bị những kiến thức về chủ quyền biển đảo cho học sinh (HS), giúp các em thấy được trách nhiệm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

1. Vai trò, ý nghĩa của việc THKT về biển đảo trong dạy học LS thế giới lớp 12

Trong phần *LS thế giới* (**LS12**), HS được học về *LS thế giới hiện đại từ 1945-2000*, gồm 6 chương: Chương I: *Sự hình thành trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)*, Chương II: *Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991-2000)*, Chương III: *Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh (1945-2000)*, chương IV: *Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000)*, Chương V: *Quan hệ quốc tế*

(1945-2000), Chương VI: *Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa*. Thông qua nội dung kiến thức trên, giáo viên (GV) có thể lồng ghép THKT để giới thiệu cho HS nắm được những nội dung có liên quan đến vấn đề biển đảo, giúp HS tiếp cận, biết và hiểu những nội dung cần thiết liên quan đến việc đấu tranh để gìn giữ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia nói chung cũng như biển đảo của Tổ quốc nói riêng như: **Công ước về Luật Biển** của Liên hợp quốc năm 1982 và các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trên biển; thấy được những tuyên bố phi lí, những hành động khiêu khích của Trung Quốc ở biển Đông trong những năm gần đây cũng như quan điểm, thái độ của một số cường quốc về sự tranh chấp ở khu vực này, hiểu được tầm quan trọng, vai trò của biển với quá trình phát triển của dân tộc; thấy được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ vững chủ quyền, duy trì sự ổn định trên biển Đông gắn với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Ngoài ra, quá trình THKT còn rèn cho HS khả năng quan sát, đánh giá các tư liệu LS, khắc sâu ở HS ý thức về độc lập chủ quyền đặc biệt với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hiện nay; bồi dưỡng lòng tự hào, biết ơn, kính trọng, khâm phục đối với những tấm gương chiến sĩ, nhân dân đã và đang hi sinh để bảo vệ chủ quyền ở hai quần đảo này, từ đó kiên định lập trường, hành động đúng đắn, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước về những chủ trương, biện pháp giải quyết tranh chấp; có ý thức và động lực phấn đấu tốt cho tương lai, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trở thành những công dân có ích cho đất nước.

* Trưởng Trung học phổ thông Sơn Tây - Hà Nội

2. Tích hợp nội dung, kiến thức về biển đảo trong quá trình dạy học phần LS thế giới (LS12)

2.1. Tích hợp trong bài học. Khi tổ chức dạy học

Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949), trong phần II - Sự thành lập Liên hợp quốc, ở nội dung nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc, GV yêu cầu HS liên hệ thực tiễn để thấy được đối với việc giải quyết vấn đề biển Đông hiện nay thì nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình vẫn là một trong những nguyên tắc chủ đạo, Việt Nam đã và đang thực hiện theo nguyên tắc này. Ví dụ: Trước những hành động vượt quá giới hạn hòa bình của Trung Quốc trong thời gian qua như: việc công bố lược đồ đường lưỡi bò 9 đoạn, hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981, tấn công và bắt giữ trái phép tàu cá của các ngư dân Việt Nam...; dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã thể hiện thiện chí đấu tranh hòa bình, không sử dụng vũ lực, lên án những hành động của Trung Quốc, tích cực tuyên truyền trong nước và quốc tế để nhân dân thế giới, Liên hợp quốc và các nước, các tổ chức quốc tế thấy được bằng chứng chủ quyền và thiện chí của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp. Chính thái độ và những hành động vừa qua của Việt Nam đã tạo được sự tin tưởng ủng hộ to lớn của các nước, các tổ chức quốc tế về việc giải quyết tranh chấp trên biển Đông. Phân liên hệ, đánh giá về vai trò của Liên hợp quốc với việc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, GV lấy thêm dẫn chứng: Hội nghị của Liên hợp quốc về Luật Biển lần thứ III (1982) đã thông qua Công ước mới của Liên hợp quốc về Luật Biển. Ngày 10/12/1982, 117 đoàn đại diện của các nước trong đó có Việt Nam đã chính thức kí Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, công ước có hiệu lực kể từ ngày 16/11/1994. Văn kiện này gồm 17 phần với 320 điều khoản, 9 phụ lục với hơn 1000 quy phạm luật pháp quốc tế. Đây là một văn kiện quốc tế tổng hợp toàn diện, bao quát tất cả những vấn đề quan trọng nhất về chế độ pháp lí của biển và đại dương, xác định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mọi quốc gia có biển cũng như không có biển. Công ước cũng định ra trình tự và thủ tục giải quyết các tranh chấp trên biển giữa các quốc gia bằng biện pháp hòa bình và thông qua cơ quan tài phán của Liên hợp quốc, là cơ sở pháp lí quốc tế để giải quyết tranh chấp trên biển. Văn kiện này được coi là một trong những thành tựu có ý nghĩa nhất trong lĩnh vực luật pháp quốc tế của thế kỉ XX và đã tạo ra một trật tự pháp lí mới trên biển, tương đối công bằng và được thừa nhận rộng rãi. Ngay sau lễ kí kết, Tổng

Thư kí Liên hợp quốc đã đánh giá “Công ước là văn bản pháp lí có ý nghĩa nhất của thế kỉ này”, còn Chủ tịch Hội nghị Liên hợp quốc lần thứ III về luật biển, ông Tommy TB Koh, gọi Công ước là “Bản Hiến pháp cho Đại dương” (2; tr 110). Trung Quốc là một trong 5 thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc - cơ quan có trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới nhưng chưa thực hiện đầy đủ và tích cực để góp phần giảm thiểu căng thẳng và giải quyết tranh chấp, vì vậy Trung Quốc cần nghiêm túc thực hiện theo Công ước này.

Ở Bài 3: Các nước Đông Bắc Á, khi giới thiệu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc qua các thời kì LS, bên cạnh những sự kiện trong sách giáo khoa (SGK), GV ra bài tập cho HS tìm hiểu và tổ chức thảo luận để các em thấy được hành động và tham vọng của Trung Quốc ở biển Đông:

Thời gian	Hành động
Năm 1958	Trung Quốc ra tuyên bố chính thức yêu sách chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.
Năm 1974	Lợi dụng tình hình quân đội Chính quyền Sài Gòn đang trên đà suy sụp, quân đội viễn chinh Mĩ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, Trung Quốc cho quân ra đánh chiếm nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.
Năm 1988	Trận Gạc Ma đánh chiếm một số điểm trên quần đảo Trường Sa.
Năm 1995	Đánh chiếm đảo Vành Khăn - phía Nam quần đảo Trường Sa.
Năm 2009	Trung Quốc chính thức đưa ra yêu sách “đường lưỡi bò” 9 đoạn chiếm 80% biển Đông kèm theo công hàm gửi Liên hợp quốc đòi chủ quyền 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
Năm 2014	Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.
Hiện nay	- Trung Quốc thực hiện chính sách vừa lôi kéo, vừa chia rẽ các nước ASEAN, tiếp tục có những hành động xâm phạm chủ quyền của Việt Nam ở 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa (xây dựng đường băng sân bay và thành phố Tam Sa trên đảo Phú Lâm, quần đảo Hoàng Sa; đường băng trên bãi đá Chữ thập trên quần đảo Trường Sa), đe dọa hòa bình và ổn định trong khu vực cũng như an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở khu vực biển Đông...

Từ các sự kiện nói trên, qua trao đổi, thảo luận, HS thấy được những toan tính của Trung Quốc trên biển Đông, hành động của Trung Quốc ở 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đều mang tính vũ lực đi ngược lại xu thế phát triển chung. Hiểu, phân tích, đánh giá được những hành động của Trung Quốc ở biển Đông,

HS sẽ có thái độ và hành động đúng đắn, biết phản đối, lên án những hành động của Trung Quốc. Đồng thời, trong suy nghĩ, hành động của bản thân, các em sẽ hình thành ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Trong *Bài 4: Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ*, ở mục 3 “*Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN*”, trong phần liên hệ; GV hướng dẫn HS thảo luận câu hỏi: *Với tư cách là một tổ chức khu vực, theo em, ASEAN cần làm gì để góp phần giải quyết tranh chấp chủ quyền ở biển Đông?* Sau đó GV chốt kiến thức để HS hiểu được: biển Đông nằm giữa khu vực các nước ASEAN, có vai trò quan trọng về an ninh và phát triển kinh tế, không chỉ cho từng nước mà cho cả ASEAN. Trong đó, có 4 nước liên quan trực tiếp đến tranh chấp Trường Sa (Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei), 5 nước chịu ảnh hưởng trực tiếp của yếu sách “lưỡi bô” (Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia). Việc đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực là mục tiêu quan trọng nhất trong việc giải quyết các tranh chấp về mặt lãnh thổ. Với tư cách là một hiệp hội, năm 1992, ASEAN đã ra *Tuyên bố về biển Đông*, đưa vấn đề biển Đông vào nội dung chương trình của *Diễn đàn khu vực ARF, ASEM*, tích cực tìm kiếm lập trường chung, tìm cách lôi kéo, ràng buộc Trung Quốc vào trong khuôn khổ thỏa thuận khu vực như *DOC* (Tuyên bố về ứng xử các bên ở biển Đông - 11/2002) và *COC* (Bộ quy tắc ứng xử biển Đông) trong tương lai. ASEAN có lập trường chung là giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực. Để thể hiện tốt hơn vai trò của mình, ASEAN cần là cầu nối tốt hơn đối với các nước thành viên nhằm tăng cường sự đồng thuận, thúc đẩy hơn nữa quá trình hội nhập giữa các nước thành viên, duy trì vai trò trung tâm trong việc giải quyết các vấn đề khu vực.

Ở *Bài 6: Nước Mĩ*, trong nội dung *Chính sách đối ngoại của Mĩ 1991-2000*, GV giúp HS hiểu rõ: Trong chiến lược phát triển của Mĩ, biển Đông có vị trí quan trọng cả về quân sự lẫn kinh tế. Về quân sự, biển Đông là một mắt xích trong phòng tuyến chạy từ vịnh Péc-xích đến bán đảo Triều Tiên, đây là điểm quá cảnh và vùng hoạt động của hải quân và không quân Mĩ, quần đảo Trường Sa có thể sử dụng làm các căn cứ theo dõi và kiểm soát các hạm đội trên biển. Về kinh tế, hiện nay các công ti dầu khí của Mĩ đã kí kết hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí với hầu hết các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Vì lợi ích quốc gia và để đảm bảo an ninh, an toàn cho tuyến đường hải quan trọng của thế giới, Mĩ khuyến khích ASEAN đóng vai trò tích cực trong việc duy trì hòa

binh, ổn định ở biển Đông. Một số nước ASEAN cũng muốn Mĩ tiếp tục có mặt tại khu vực để cân bằng đối trọng với Trung Quốc. Với Mĩ, cường quốc này sẽ có lợi ích lớn khi duy trì được hòa bình, ổn định và tự do hàng hải ở biển Đông, không để nước nào, (nhất là Trung Quốc) độc chiếm biển Đông. Những diễn biến gần đây cho thấy Mĩ đang từng bước trở lại khu vực, tăng cường sự có mặt ở biển Đông, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc.

Khi tổ chức dạy học *Bài 9: Nhật Bản*, ở nội dung *Chính sách đối ngoại*, ngoài kiến thức trong SGK, GV liên hệ thực tiễn để HS hiểu được: “Với Nhật Bản, khoảng 90% lượng hàng hóa nhập khẩu của Nhật Bản và cũng khoảng 90% lượng dầu lửa nhập khẩu của Nhật Bản từ Trung Đông và Đông Nam Á đi qua biển Đông. Đông Nam Á là nơi tập trung tới một nửa kim ngạch buôn bán ODA và khoảng 20% đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ra nước ngoài” (3; tr 164). Do vậy, tuy không trực tiếp liên quan đến tranh chấp lãnh thổ ở biển Đông nhưng Nhật Bản rất quan tâm đến tình hình biển Đông và hi vọng giải quyết tranh chấp trên biển Đông bằng đàm phán hòa bình. Ưu tiên chính của Nhật Bản là đảm bảo quyền tự do và an ninh hàng hải qua các vùng ở biển Đông. Nhật Bản lo ngại Trung Quốc bành trướng ở biển Đông, do đó chủ trương cùng với Mĩ mở rộng vùng phòng thủ của Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật ra các vùng biển xung quanh, trong đó có biển Đông. Do đang có tranh chấp biển đảo với Trung Quốc, nên Nhật Bản theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình biển Đông, tiếp cận Việt Nam để tìm hiểu thông tin, Nhật Bản ủng hộ các nỗ lực đàm phán của ASEAN và sự có mặt quân sự của Mĩ ở biển Đông.

Trong *Bài 9: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì “chiến tranh lạnh”*, ở phần IV “*Thế giới sau chiến tranh lạnh*”, với những biến đổi và hình thành các xu thế mới trong quan hệ quốc tế, như: Trật tự hai cực sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang hình thành theo xu hướng đa cực, nhiều trung tâm tài chính, kinh tế mới hình thành, ở đó diễn ra sự đua tranh mạnh mẽ giữa các cường quốc như Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc... Sau “chiến tranh lạnh”, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm... Để HS hiểu nội dung này, GV gợi mở cho các em phát biểu những suy nghĩ về chiến lược đối ngoại của Việt Nam trong tình hình hiện nay. Qua đó, giúp HS thấy được muốn bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ trên biển, việc phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là một trong những nhân tố quyết định bảo vệ

thành công chủ quyền biển đảo. Bên cạnh đó, với đặc điểm mới của quan hệ quốc tế hiện nay, khu vực biển Đông đang là một trong những điểm nóng và thu hút sự quan tâm rất lớn của các cường quốc cũng như dư luận quốc tế, biển Đông có liên quan đến lợi ích quốc gia của các cường quốc như Mĩ, Nhật Bản... Vì vậy, trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền, Việt Nam cần khai thác hiệu quả các yếu tố này trong quan hệ quốc tế và khu vực để tranh thủ sự ủng hộ của các nước lớn, các tổ chức quốc tế và nhân loại tiến bộ đối với lập trường chính nghĩa và những bằng chứng pháp lí, khoa học của ta trong việc khẳng định chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông.

Như vậy, thông qua việc THKT về chủ quyền biển đảo gắn với phần *LS thế giới* ở một số chương/bài trong chương trình **LS12**, HS sẽ có thêm những kiến thức cơ bản về chủ quyền biển đảo gắn với tình hình quốc tế; hiểu và vận dụng được những nhân tố tích cực từ quan hệ quốc tế phục vụ cho việc hình thành ý thức và hành động của thế hệ trẻ trong việc đấu tranh và bảo vệ biển đảo quê hương. Cùng với quá trình tích hợp ở phần LS dân tộc, việc tích hợp trong phần LS thế giới có ý nghĩa quan trọng trong việc trang bị cho HS những hiểu biết và cách nhìn toàn diện, đầy đủ hơn về giá trị, vai trò của biển đối với sự phát triển của đất nước.

2.2. Tích hợp trong kiểm tra, đánh giá. Ngoài việc THKT về chủ quyền biển đảo ở các bài học, có thể đưa những kiến thức về biển đảo vào trong kiểm tra đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học bộ môn (kiểm tra đầu giờ, kiểm tra 15', 45', kiểm tra học kì...). Để làm tốt việc này, GV nên tham khảo cách đặt câu hỏi trong các đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi HS giỏi quốc gia của Bộ GD-ĐT. Bên cạnh các câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận đánh giá HS ở mức độ biết và hiểu kiến thức, GV cần sử dụng bài tập theo tinh thần của dạy học dự án, HS sưu tầm, nghiên cứu tư liệu để giải quyết các yêu cầu đặt ra, điều này có tác dụng rất lớn trong việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức ở mức độ cao của HS. GV nên chấm và cho điểm các bài báo cáo, thu hoạch thay cho các điểm kiểm tra 15' hoặc 45' để khuyến khích tinh thần học tập của các em. Ví dụ trong dạy học LS thế giới lớp 12, GV có thể căn cứ vào nội dung cụ thể của từng bài để đưa ra cho HS giải quyết các bài tập phù hợp: *1. Phân tích các xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh. Theo em, Việt Nam có thể vận dụng những xu thế nào trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền ở*

biển Đông? 2. Trên cơ sở trình bày chính sách đối ngoại của Mĩ, Nhật từ 1991 đến nay, em hãy đánh giá những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong mối quan hệ với các nước lớn gắn với việc bảo vệ chủ quyền đất nước hiện nay. 3. Từ chính sách đối ngoại và những hành động gần đây của Trung Quốc, em hãy cho biết Việt Nam cần làm gì để tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với Trung Quốc, đồng thời vẫn giữ vững được chủ quyền ở biển Đông?

Mỗi GV có thể vận dụng và xây dựng hệ thống câu hỏi một cách linh hoạt dựa trên năng lực nhận thức của các đối tượng HS. Thông qua kiểm tra, đánh giá, GV sẽ thấy được khả năng nhận thức của HS và hiệu quả của công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, gắn những bài học LS quá khứ với công cuộc xây dựng đất nước ở hiện tại và tương lai.

* * *

Để góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay và từng bước nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, khi SGK cũ chưa có điều kiện cập nhật, chương trình, SGK mới chưa thực hiện thì việc chủ động cập nhật kiến thức và thực hiện tích hợp những kiến thức cần thiết trong quá trình dạy học nói chung, kiến thức về chủ quyền biển đảo nói riêng của mỗi thầy, cô giáo là việc làm cần thiết giúp thế hệ trẻ có nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về tầm quan trọng của biển đảo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc không chỉ trong quá khứ mà trong cả hiện tại và tương lai. Từ đó, các em sẽ có động lực, tinh thần để thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình, có những hành động thiết thực cùng cộng đồng vì biển, đảo quê hương; tích cực trong học tập, rèn luyện góp phần đưa nước ta trở thành quốc gia giàu mạnh đủ khả năng bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. □

(1), (3) Trần Công Trục (chủ biên). **Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông**. NXB Thông tin và Truyền thông, H. 2012.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương. **100 câu hỏi - đáp về biển, đảo**. NXB Thông tin và Truyền thông, H. 2013.

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa. **Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam**. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2008.
2. Viện Nghiên cứu giáo dục. *Kĩ yếu dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015*. Hà Nội, 2014.
3. Phan Ngọc Liên (chủ biên). **Lịch sử 12**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.